

Số: /BC-SNN

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của đề xuất sửa đổi, nội dung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND bao gồm nội dung quy định hỗ trợ trồng cây dược liệu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND

Sau hai năm triển khai, thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, đã giải ngân được 34.248.108.000 đồng. Trong đó: 26.313.668.000 đồng chi từ ngân sách để thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và 7.934.440.000 đồng từ nguồn kinh phí khác. Cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP): 38 cơ sở (lượt), số tiền 3.521.120.000 đồng (trong đó, 3.288.120.000 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 09/6/2022, Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021, Quyết định 3053/UBND ngày 30/12/2021 và 233.000.000 đồng chi từ nguồn ngân sách khác).

- Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn: 41 cơ sở, số tiền 2.580.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía: 440 cơ sở, 11.553.037.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ chuyên đổi đất lúa kém hiệu quả: 79,51 ha, số tiền 745.800.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP: 574.560.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ phát triển trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ: 9.497.105.000 đồng (Trong đó, 3.101.115.000 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 và 6.395.990.000 đồng chi từ nguồn ngân sách khác của tỉnh).

- Chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: 4.270.423.750 đồng (Trong đó, 2.964.973.750 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định số 1471/QĐ-

UBND ngày 29/7/2021 và 1.305.450.000 đồng chi từ nguồn ngân sách của huyện).

- Chính sách hỗ trợ ngư dân sắm, lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá: 76 tàu cá, 3.892 tháng cước phí, số tiền 1.506.062.000 đồng.

Kết quả trên đã góp phần vào hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh, như các chỉ tiêu: Có mô hình liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao; Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 3 sao (≥ 4 sao) hoặc tương đương còn thời hạn; Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương,... Đến nay, 85/85 xã của tỉnh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100%. Trong đó, 38 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng 11 xã so với cuối năm 2022), có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. 8/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 88,88% (riêng huyện Trà Cú theo kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào năm 2023). 638/640 ấp nông thôn mới, trong đó có 66 ấp nông thôn mới kiểu mẫu. Từ những kết quả trên làm cho nông thôn của tỉnh tiếp tục đổi mới theo hướng khang trang, hiện đại. Nhiều công trình hạ tầng nông thôn đã được xây mới, nâng cấp đảm bảo đạt chuẩn. Đời sống văn hóa tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên, môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, an ninh trật tự xã hội được giữ vững. Phong trào xây dựng nông thôn mới tiếp tục có chuyển biến tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. góp phần giúp tỉnh Trà Vinh hoàn thành 5/8 nội dung tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, dự kiến hoàn thành hồ sơ trình Trung ương công nhận vào năm 2024. Về sản phẩm OCOP, toàn tỉnh có 200 sản phẩm OCOP đạt chuẩn ≥ 3 sao, trong đó có 03 sản phẩm đạt 5 sao là "Mật hoa dừa", "Đường hoa dừa" của Công ty TNHH Trà Vinh FARM và "Dừa sáp sợi-VICOSAP" của Công ty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè. Tổng đàn gia súc, gia cầm dần hồi phục, số liệu Cục Thống kê (tháng 8/2023), toàn tỉnh có 248.730 con bò, 270.690 con heo, 6.509,35 ngàn con; công tác tiêm phòng được đẩy mạnh, toàn tỉnh tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng được trên 133 ngàn gia súc, tăng 15% so cùng kỳ năm 2022; vắc-xin Viêm da nổi cục trên 72 ngàn con tăng 47%; vắc xin Đại chó trên 27 ngàn con, tăng 73%; vắc xin Cúm gia cầm gần 2 triệu con tăng 17%; các loại vắc xin khác trên 3,35 triệu liều, tăng 31%. Từ đó, đã góp phần kiểm soát tốt dịch bệnh trên đàn vật nuôi; các dịch bệnh nguy hiểm nguy hiểm như Lở mồm long móng, Viêm da nổi cục, Cúm gia cầm không xảy ra. Bệnh dịch tả heo Châu Phi chỉ xảy ra ở phạm vi nhỏ, được phát hiện sớm, dập tắt kịp thời và thiệt hại không đáng kể, hầu như không ảnh hưởng đến chăn nuôi của tỉnh. Tổng đàn heo dần được phục hồi tương đương tổng đàn trước khi xảy ra bệnh Dịch tả heo Châu Phi (2019). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,07% diện tích tự nhiên của tỉnh. Có 100% tàu cá trên địa bàn tỉnh lắp đặt thiết bị VMS từ đó góp phần vào tháo gỡ thẻ vàng (IUU) của Châu Âu đối với thủy sản.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND vẫn còn một số bất cập, như: sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP tốn kém nhiều chi phí, người dân khó khăn, ngại bỏ vốn ra trước; Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên là cao gây khó tổ chức, cá nhân tiếp cận chính sách,...

b) Thực trạng cây dược liệu/thuốc nam trên địa bàn tỉnh

Về cây dược liệu, theo báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài “Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc nam và xây dựng mô hình vườn thuốc nam bản địa tại tỉnh Trà Vinh” (5/2023), đã ghi nhận 286 loài cây thuốc nam tại tỉnh Trà Vinh nằm trong 94 họ, thuộc 43 bộ và 43 bộ ngành thực vật, trên 4 sinh cảnh đặc trưng của vùng: vườn trồng cây, giồng cát, vùng trồng lúa và khu vực nuôi trồng thủy sản. Trong đó, xác định 05 loài hiện nằm trong Sách Đỏ Việt Nam, đó là: Dy Cốt - *Zygostelma benthamii* Baill, Trâm hung đẹp - *Raphistemma hooperianum*, Cốt toái bỏ - *Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett), Chùm Lẻ - *Azima sarmentosa* (Bl.) Benth. & Hook và Ba gạc hoa đỏ *Rauwolfia serpentine*. 4 loài cây thuốc thông dụng và tiềm năng tại Trà Vinh, gồm: Gừng gió (*Zingiber zerumbet*), Kiến cò (*Rhinacanthus nasutus*), Dây thần thông (*Tinospora cordifolia*) và Ô rô trắng (*Acanthus ebracteatus* Vahl). Việc sử dụng thuốc nam trong chăm sóc y tế của các hộ gia đình ở Trà Vinh, thì số lượng bệnh nhân tìm kiếm liệu pháp thay thế và thảo dược đang tăng lên theo cấp số nhân. Có 8 bài thuốc thường được sử dụng, gồm: Bài thuốc căn bản dùng để giải độc, trị cảm và các bệnh thông thường; Bài thuốc trị cảm sốt, đau thống trị nhức đầu, ho, đau mắt, sốt và đau họng; Bài thuốc trị cảm hàn, giải phong hàn, làm cho âm huyết mạch; Bài thuốc có tác dụng mát gan, thanh nhiệt; Bài thuốc trị đau lưng, nhức mỏi; Bài thuốc sử dụng cho phụ nữ trị đau bụng hành kinh và Bài thuốc trị mất ngủ không tổn thương thực thể. Có 61 loài cây thuốc 36 họ khác nhau thường được sử dụng trong 8 bài thuốc trên. Báo cáo số 22/BC-HĐYCC ngày 22/8/2023 của Ban Chấp hành Hội đồng y - Châm cứu tỉnh Trà Vinh, “hiện nay toàn tỉnh có 186 vườn thuốc Nam mẫu trồng 70 cây thuốc theo quy định của Bộ Y tế, Hội còn tận dụng cây thuốc mọc hoang thiên nhiên và trồng trong vườn cây ăn trái nhằm đảm bảo đủ số lượng thuốc để điều trị bệnh cho Nhân dân”. Về phát triển trồng, sử dụng cây thuốc nam chỉ là tuyên truyền trong dân và hội viên Hội đồng y các cấp. Như vậy, có thể thấy rằng, cây dược liệu, cây thuốc quý (hay còn gọi là thuốc nam) trên địa bàn tỉnh đã và đang trồng, khai thác chủ yếu để điều trị bệnh, chưa được đầu tư khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, chưa phát triển dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa hoặc bảo tồn.

Chính sách hỗ trợ riêng cho cây dược liệu để tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND chưa có, ngoài vận dụng chính sách hỗ trợ theo Điều 6 và Điều 8, cụ thể:

“Điều 6. Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP

1. Hỗ trợ sản xuất sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm nhưng không quá 10.000.000 đồng/sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP với diện tích, mức hỗ trợ theo điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy định này (Hỗ trợ một lần kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m²/cửa hàng. Mức hỗ trợ: 50.000.000 đồng/cửa hàng).

Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía

Điểm a khoản 2 Điều 8: Chuyển đổi từ vườn tạp, đất trồng mía sang các loại cây trồng ngoài danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, được hỗ trợ 3.000.000 đồng/1,0 ha - 4.000.000 đồng/1,0 ha.”.

Trước thực trạng trên. việc ban hành chính sách sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, trong đó bổ sung cây dược liệu để tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh là thật sự cần thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực tỉnh ủy. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; bảo tồn, phát triển cây dược liệu, cây dược liệu quý; phát triển, khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng trong việc thực hiện nội dung được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý. Điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về nội dung hỗ trợ, mức chi hỗ trợ phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, ngân sách của tỉnh; thuận lợi cho công tác triển khai thực hiện cũng như thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách: Sửa đổi, bổ sung “**Điều 5. Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)**”

Bổ sung chính sách hỗ trợ thực hành sản xuất tốt cây dược liệu

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Xuất phát từ thực trạng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh như đã nêu tại điểm b khoản 1 mục I của báo cáo này.

Qua rà soát theo Thông báo số 1932-TB/VPTU ngày 22/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực tỉnh ủy và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3399/UBND-NN ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, chưa có chính sách hỗ trợ thực hành sản xuất tốt cây dược liệu.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các cơ sở xác định điều kiện (vùng) sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt; đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực; áp dụng công nghệ cao trong sản xuất và thuê đánh giá, chứng nhận quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; khuyến khích sản xuất VietGAP nhằm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm cây dược liệu, cây dược liệu quý.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ cho cơ sở một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý áp dụng VietGAP hoặc chu kỳ tái sản xuất đối với những cơ sở đã được chứng nhận áp dụng VietGAP nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ. Cây dược liệu, cây dược liệu quý được quy định Phụ lục II Danh mục các loại dược liệu tập trung phát triển ở quy mô lớn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ*) và Theo Phụ lục Danh mục 100 loại cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển (*Ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế*); Phụ lục Danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm và đặc hữu phải kiểm soát (*Ban hành kèm theo Thông tư số 16/TT-BYT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

Các chính sách hỗ trợ theo quy định tại: điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 5 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh), (*sau đây gọi tắt là Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND*).

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Mặt tích cực:

- Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu. Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo văn bản quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Xây dựng cơ chế, tài chính, khoa học công nghệ, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý theo hướng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm. Bảo tồn, phát triển; khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Chính sách này không ảnh hưởng về giới.

Mặt tiêu cực: Ngân sách tỉnh bỏ ra kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở. Có thể tạo ra sự không công bằng cho cơ sở khác và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị lựa chọn các giải pháp:

Hỗ trợ cho cơ sở một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý áp dụng VietGAP hoặc chu kỳ tái sản xuất đối với những cơ sở đã được chứng nhận áp dụng VietGAP nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ. Cây dược liệu, cây dược liệu quý được quy định Phụ lục II Danh mục các loài dược liệu tập trung phát triển ở quy mô lớn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ*) và Theo Phụ lục Danh mục 100 loại cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển (*Ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế*); Phụ lục Danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm và đặc hữu phải kiểm soát (*Ban hành kèm theo Thông tư số 16/TT-BYT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

Các chính sách hỗ trợ theo quy định tại: điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 5 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

2. Chính sách: Sửa đổi, bổ sung “**Điều 7. Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn**”.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Xuất phát từ thực trạng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh như đã nêu tại điểm b khoản 1 mục I của báo cáo này.

Qua rà soát theo Thông báo số 1932-TB/VPTU ngày 22/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực tỉnh ủy và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3399/UBND-NN ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, chưa có chính sách hỗ trợ kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem đối với sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Kiểm soát chất lượng để đảm bảo an toàn khi sử dụng cây dược liệu, cây dược liệu quý. Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem đối với

sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: Xây dựng cơ chế, tài chính, khoa học công nghệ để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý an toàn kiểm soát chất lượng. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; bảo tồn, phát triển; khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm; tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem đối với sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 7 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Mặt tích cực:

- Xây dựng cơ chế, tài chính, khoa học công nghệ để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý an toàn kiểm soát chất lượng.

- Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm; khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm; tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Chính sách này không ảnh hưởng về giới.

Mặt tiêu cực: Ngân sách tỉnh bỏ ra kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở. Có thể tạo ra sự không công bằng cho cơ sở khác và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị lựa chọn các giải pháp:

Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem đối với sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 7 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

3. Chính sách 3: Bổ sung “Điều 9. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả”

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Xuất phát từ thực trạng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh như đã nêu tại điểm b khoản 1 mục I của báo cáo này.

Qua rà soát theo Thông báo số 1932-TB/VPTU ngày 22/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực tỉnh ủy và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3399/UBND-NN ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết số

03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, chưa có chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quản lý và sử dụng có hiệu quả đất trồng lúa, nâng cao hiệu quả sản xuất cây trồng chuyển đổi hàng năm trên đất lúa kém hiệu quả. Xây dựng cơ chế, tài chính để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; bảo tồn, phát triển dược liệu; tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ một lần kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Mặt tích cực:

- Hỗ trợ tạo điều kiện cho cơ sở kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Xây dựng cơ chế, tài chính để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm. Bảo tồn, phát triển dược liệu. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Chính sách này không ảnh hưởng về giới.

Mặt tiêu cực: Ngân sách tỉnh bỏ ra kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở. Có thể tạo ra sự không công bằng cho cơ sở khác và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị lựa chọn các giải pháp:

Hỗ trợ một lần kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

4. Sửa đổi “**Điểm b khoản 1 Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía**”

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo đề nghị tại Báo cáo đề xuất một số nội dung về thực hiện Nghị quyết 03 của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 28/7/2023 của Tổ ĐB đơn vị Cầu Kè, do quy định 02 ha trở lên tương đối lớn so với mặt bằng chung của các địa phương,

hoặc nếu đủ diện tích để liên kết nhưng các thửa đất nằm khoảng cách xa không đảm bảo trong phạm vi 50 ha.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xuất phát từ tình hình thực tế của tỉnh để tăng cơ hội cho tổ chức, cá nhân tiếp cận chính sách hỗ trợ.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giảm quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên xuống còn 01 ha trở lên. Cụ thể: *“Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 01 ha trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, khóm hoặc liên ấp, khóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha)”*.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Mặt tích cực:

- Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt khoản 1 Điều 8 về chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

- Chính sách này không ảnh hưởng về giới.

Mặt tiêu cực: Ngân sách tỉnh bỏ ra kinh phí để hỗ trợ cho các cơ sở. Có thể tạo ra sự không công bằng cho cơ sở khác và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị lựa chọn các giải pháp:

Giảm quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên xuống còn 01 ha trở lên. Cụ thể: *“Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 01 ha trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, khóm hoặc liên ấp, khóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha)”*.

5. Tác động về thủ tục hành chính

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh không phát sinh thủ tục hành chính.

III. LẤY Ý KIẾN

Lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động này, thông qua các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý như sau:

1. Lấy ý kiến:

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời gian 30 ngày.

- Gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời gian 10 ngày làm việc.

2. Phản hồi ý kiến góp ý:

- Phản hồi ý kiến góp ý qua hộp thư điện tử: snnptnt@travinh.gov.vn.
Điện thoại: 0294.3840.301-0294.3840.326

- Phản hồi ý kiến góp ý bằng văn bản về địa chỉ: Sở Nông nghiệp và PTNT, số 109 Phạm Ngũ Lão, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Phản hồi ý kiến góp ý tại các cuộc hội thảo (bằng văn bản hoặc ý kiến phát biểu trực tiếp) được ghi nhận và lập thành biên bản theo quy định.

3. Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý:

Toàn bộ các ý kiến góp ý phản hồi qua hộp thư điện tử, văn bản và đóng góp trực tiếp sẽ được Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, lập thành báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý theo quy định.

IV. Giám sát và đánh giá

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách

Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn là những cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách

Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- GD; các PGD Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC